

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HSST

Ngày: 15 - 02 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN - TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích Hợp
2. Ông Phạm Ngọc Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Trinh là Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhã Uyên là Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2019/HSST ngày 03 tháng 01 năm 2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/HSST/QĐ ngày 29 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Văn Hồng D., tên gọi khác: B., sinh năm 1985 tại tỉnh B.; Nơi cư trú: Tổ 17, khu vực 3, phường L., TP. Q., tỉnh B.; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Văn Hồng S. (chết) và bà Lê Thị T. sinh năm 1944; đã ly hôn, có 02 con, lớn 11 tuổi, con nhỏ 07 tuổi; Tiền án: Ngày 28/02/2014, bị Tòa án nhân dân tỉnh B. xét xử phúc thẩm, xử phạt 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/ 6/2014; tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 16/5/2003, bị Tòa án nhân dân TP. Q., tỉnh B. xử phạt 06 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; bị bắt theo lệnh truy nã, tạm giam từ ngày 06/11/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an TP. Quy Nhơn; có mặt.

- Bị hại:

Anh Dương Thanh T. sinh năm 1986; trú tại: Số nhà 697/7 đường T., tổ 37, khu vực 5, phường L., TP. Q., tỉnh B.; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Hồ Văn Đ. sinh năm 1969; trú tại: Tổ 4C, khu vực 11, phường Q., TP. Q., tỉnh B.; vắng mặt.

- Anh Vũ Hồng C. sinh năm 1985; trú tại: Tổ 7, khu vực 9, phường N., TP. Q.; vắng mặt.

- Anh Trần Công Tr. sinh năm 1977; trú tại: 04/21 đường N., TP. Q., tỉnh B.; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do đang bị nhiều người đòi nợ, ngày 04/02/2015, Văn Hồng D. tìm gặp bạn là Dương Thanh T. để xin ở nhờ phòng trọ nơi T. thuê làm lồng chim ở tổ 49, KV 9, P. Đ., TP. Q. để tránh các chủ nợ. T. đồng ý, giao nhà trọ cho D. ở và nhờ D. trông coi tài sản trong nhà giúp T. rồi đi đến tỉnh G. giải quyết công việc. Đến ngày 06/02/2015, D. nảy sinh ý định muốn chiếm đoạt lồng chim trong phòng trọ của T. (lồng chim của anh Hồ Văn Đ. nhờ T. sửa chữa) bán lấy tiền tiêu xài. D. lấy lồng chim của T. đến gặp Vũ Hồng C. bán được 1.000.000đồng. Đến 16 giờ 30 phút cùng ngày, D. gặp Trần Công Tr. kể mới bán lồng chim cho C. nhưng giá rẻ quá, hỏi Tr. có muốn mua không. Tr. đồng ý mua nên D. trả lại tiền cho C., lấy lại lồng chim và bán cho Tr. với giá 1.700.000đồng, tiêu xài hết. Đến ngày 13/02/2015, anh T. phát hiện anh Tr. đang sử dụng lồng chim trên nên báo cáo Công an phường Đ. giải quyết. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, D. bỏ trốn khỏi địa phương đến ngày 06/11/2018 bị bắt theo Quyết định truy nã.

Ngày 24/3/2015, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP. Q. kết luận: 01 lồng chim làm bằng gỗ cẩm, màu cam, cao 70cm, đường kính 44cm, bộ chạm khắc mắc trúc, cửa lồng chạm khắc 03 con dơi, 03 chân đế chạm đầu rồng, phần đáy lồng chạm hình Long - Phụng, đã qua sử dụng, có giá trị 5.800.000đồng.

Cơ quan CSĐT Công an TP. Q. đã trả lại lồng chim cho anh Dương Thanh T., anh T. không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Gia đình Văn Hồng D. đã hoàn trả cho anh Trần Công Tr. 1.700.000 đồng, anh Tr. không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Bản cáo trạng số 14/CT - VKSQN ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Q. truy tố Văn Hồng D. về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (BLHS 1999).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo Văn Hồng D. có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã có hành vi chiếm đoạt tài sản đang trông giữ hộ cho người khác có giá trị 5.800.000 đồng nên Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Bị cáo đã bị kết án chưa được xóa án tích tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp “Tái phạm”, nhân thân xấu, sau khi phạm tội còn bỏ trốn, bị truy nã nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội. Bị cáo thành khẩn khai báo, tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại, bị cáo đã tác động gia đình hoàn lại tiền cho người mua tài sản bị cáo chiếm đoạt bị thu hồi. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm b, p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999, xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù.

Bị cáo không tự bào chữa.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, xin Tòa giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Quy Nhơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, Viện kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Văn Hồng D. có đầy đủ sức khỏe, có trình độ học vấn nhất định đủ để nhận thức và điều khiển hành vi của mình, mặc khác bị cáo đã nhiều lần bị kết án về tội chiếm đoạt nên biết rất rõ tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh nhưng vì tham lam, xem thường pháp luật, bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của anh Dương Thanh T. là bạn học cũ cho bị cáo ở nhờ và trông giữ giúp tài sản tại phòng trọ nơi anh thuê để làm việc trong thời gian anh đi vắng, lấy một lồng chim làm bằng gỗ cẩm, màu cam, cao 70cm, đường kính 44cm, bộ chạm khắc mắc trúc, cửa lồng chạm khắc 03 con dơi, 03 chân đế chạm đầu rồng, phần đáy lồng chạm hình Long - Phụng của anh Hồ Văn Đ. anh đang nhận sửa chữa mang đi bán lấy tiền tiêu xài. Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thì lồng chim làm bằng gỗ cẩm, màu cam, cao 70cm, đường kính 44cm, bộ chạm khắc mắc trúc, cửa lồng chạm khắc 03 con dơi, 03 chân đế chạm đầu rồng, phần đáy lồng chạm hình Long - Phụng của anh Hồ Văn Đ. có giá trị 5.800.000 đồng nên bị cáo đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 BLHS năm 1999.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội ở địa phương. Bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích, tiếp tục phạm tội nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm”, được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999, sau khi phạm tội còn bỏ trốn gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng, nhân thân xấu nên cần xử lý nghiêm, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung đối với xã hội.

Tuy nhiên, tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại, bị cáo đã tác động gia đình hoàn lại tiền cho người mua tài sản bị chiếm đoạt sau khi bị thu hồi để khắc phục hậu quả nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999, xử bị cáo với mức án có lý, có tình để bị cáo an tâm cải tạo sớm tái hòa nhập với cộng đồng.

Anh Vũ Hồng C., Trần Công Tr. có hành vi mua chiếc lồng chim bị cáo lấy từ nhà của anh T. mang đến bán nhưng không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

[4] Bồi thường thiệt hại:

Anh Đ. đã nhận lại chiếc lồng chim bị cáo chiếm đoạt, anh Trần Công Tr. đã được gia đình bị cáo hoàn lại 1.700.000đồng. Anh T., anh Đ., anh Tr. không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xét.

[5] Về án phí:

Bị cáo bị kết án về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Văn Hồng D. phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999

Xử phạt: Bị cáo Văn Hồng D. 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 06/11/2018.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B.;
- VKSND Tp. Q.;
- Chi cục THADS Tp. Q.;;
- CQ CSĐT CA Tp. Q.;;
- Đội ĐTTH CA Tp. Q.;;
- Đường sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Thúy

